TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

Bản án số: 17/2022/DS-ST
Ngày 30-9-2022
"V/v *tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng VP Bank với ông T, bà T1*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Phạm Ngọc Túy;

2.Ông Nguyễn Văn Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gien Ny – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2022/TLST–DS ngày 09 tháng 6 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16A/2022/QĐXX -DS ngày 26 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/QĐS T-DS ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP VN (VN)

Địa chỉ trụ sở: Số X, L, phường H, quậnĐ, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Phó Giám đốc trung tâm xử lý nợ pháp lý

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Cao Duy T - Trưởng bộ phận xử lý nợ và ông Bùi Nguyên H – Chuyên viên xử lý nợ, theo văn bản ủy quyền số 703 ngày 07/3/2022 của VN

- **Bị đơn:** + Ông Đỗ Văn T sinh năm 1978

+ Bà Đỗ Thị T1 sinh năm 1985

Nơi cư trú: Thôn L3, K, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Đỗ Thanh C sinh năm 1958

+ Bà Lê Thị L sinh năm 1962

Cùng Nơi ĐKHKTT: Thôn L3, K, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn L1, K, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

(*Tại phiên tòa có mặt ông Thăng; vắng mặt ông T, bà T1, ông C và bà L)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa ông Bùi Nguyên H- đại diện nguyên đơn trình bày:

Ông Đỗ Văn T và bà Đỗ Thị T1 là vợ chồng. Ông Đỗ Thanh C và bà Lê Thị L là vợ chồng. Bà T1, ông T con gái, con rể ông C, bà L.

Từ ngày 06/10/2017 đến ngày 02/01/2019, ông T, bà T1 có ký kết hợp 03 đồng tín dụng với VP Bank để vay tổng số tiền 458.000.000 đồng, theo các Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

1.Theo "*Giấy đăng ký cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử*" ngày 06/10/2017 (LD1728500183): Số tiền vay: 39.000.000 đồng (*Ba mươi chín triệu đồng*); Thời hạn vay: 36 tháng tính từ ngày giải ngân (ngày 12/10/2017); Mục đích sử dụng vốn: mua đồ gia dụng; Lãi suất trong hạn: 24,0%/ năm**;** Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Bà T1, ông T đã trả cho VN số tiền là 38.306.117 đồng (trong đó trả nợ gốc là 24.019.219 đồng, trả nợ lãi là 14.286.898 đồng). Ngày 12/12/2019 bà T1, ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ với VN và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn. Còn lại số nợ gốc là 14.980.781 đồng. Ngày 05/9/2022 ông C đã thanh toán thay cho ông T, bà T1 toàn bộ số tiền gốc. Tính đến ngày 30/9/2022 chỉ còn nợ lại tiền lãi và phạt chậm trả tổng 36.773.783đồng.

2.Theo "*Giấy đăng ký cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử*" ngày 08/06/2018 (LD1816201135): Số tiền vay: 69.000.000 đồng (*Sáu mươi chín triệu đồng*); Thời hạn vay: 36 tháng tính từ ngày giải ngân 11/6/2018; Mục đích sử dụng vốn: vay tiêu dùng; Lãi suất trong hạn: 20,%/ năm**;** Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Bà T1, ông T đã trả cho VN số tiền là 43.756.942 đồng (trong đó trả nợ gốc là 27.521.873 đồng, trả nợ lãi là 16,235,069 đồng).

Ngày 11/12/2019 bà T1, ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ với VN và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn. Như vậy, ông T bà T1 còn nợ VN số tiền gốc là 41.478.127 đồng. Ngày 05/9/2022 ông C đã thanh toán thay cho ông T, bà T1

toàn bộ số tiền gốc còn lại. Tính đến ngày 30/9/2022 chỉ còn nợ lại tiền lãi và phạt chậm trả tổng 15.823.794 đồng.

3.Hợp đồng cho vay số LN1812261161498 ký ngày 02/01/2019 (LD1900200646): Số tiền vay: 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn*); Thời hạn vay: 120 tháng tính từ ngày giải ngân 02/01/2019; Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn kinh doanh/mở rộng kinh doanh Internet, dịch vụ ăn uống; Lãi suất trong hạn: lãi suất tại thời điểm giải ngân là 11,2%/ năm, lãi suất trên được giữ nguyên trong vòng ba tháng hết thời gian 3 tháng lãi suất sẽ được điều chỉnh điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1lần, ngày điều chỉnh đầu tiên vào ngày 01/07/2019 với mức điều chỉnh: 4,7%/ năm**;** Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Bà T1, ông T đã trả cho VN số tiền là 65.076.443 đồng (trong đó trả nợ gốc là 29.600.738 đồng, trả nợ lãi là 35.465.000 đồng, trả lãi phạt là 10.705.000 đồng). Còn nợ lại gốc là 320.399.262 đồng.

Ngày 10/12/2019 bà T1, ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ với VN và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn. Tính đến ngày 09/6/2022 bà Đỗ Thị T1 và ông Đỗ Văn T còn nợ VN số tiền: nợ gốc 320.999.262 đồng, nợ lãi 161.700.290 đồng, phạt chậm trả là 22.781.225 đồng. Tổng cộng 504.880.777 đồng.

Ngày 05/9/2022 ông C đã thanh toán thay cho ông T, bà T1 một phần số tiền gốc nên tính đến ngày 30/9/2022 chỉ còn nợ số tiền gốc là 176.858.170 đồng; lãi phải trả 179.914.601 đông; phạt chậm trả 28.311.919 đồng. Tổng 385.084.690 đồng

Tổng cộng còn nợ của 03 hợp đồng trên là 437.794.631 đồng, trong đó: tiền gốc 176.858.170 đồng, tiền lãi cộng phạt chậm trả 260.936.461 đồng.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên gồm: Toàn bộ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 323, tờ bản đồ số: 14, diện tích 148,8m^2; địa chỉ: thôn L1, K, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất", số BP 686494, số vào sổ cấp GCN: CH 04089 do UBND huyện Quỳnh Phụ cấp ngày 28/12/2013 mang tên ông Đỗ Thanh C và bà Lê Thị L. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 821 - quyển số 03/2017TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 17/07/2017.

Nay Ngân hàng khởi kiện: Đề nghị Tòa án tuyên trong bản án/quyết định buộc ông T, bà T1 phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ đối với VPBank cụ thể như sau:

Buộc bà Đỗ Thị T1 và ông Đỗ Văn T phải trả cho VN số tiền tính đến ngày 30/9/2022 là: 437.794.631 đồng và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2022 đến ngày thực trả theo đúng mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký kết;

Kể từ ngày Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật mà bà Đỗ Thị T1 và ông Đỗ Văn T không trả nợ đầy đủ cho VN, VN có quyền yêu cầu cơ quan Thi

hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho VN, cụ thể như sau: Toàn bộ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 323, tờ bản đồ số: 14, diện tích 148,8m^2; tại địa chỉ: thôn L1, K, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất", số BP 686494, số vào sổ cấp GCN: CH 04089 do UBND huyện Quỳnh Phụ cấp ngày 28/12/2013 mang tên ông Đỗ Thanh C và bà Lê Thị L;

Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm nói trên vẫn không đủ để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho VN; VN có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu/sử dụng hợp pháp của ĐỗThị T1 và ông Đỗ Văn T để thu hồi nợ cho VN

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đỗ Văn T và bà Đỗ Thị T1 vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Thanh C và bà Lê Thị L trình bày: Ông bà là vợ chồng. Chị Đỗ Thị T1 là con gái ông bà, anh Đỗ Văn T là con rể ông bà. Từ khoảng năm 2017 đến năm 2019 vợ chồng anh T chị T1 có vay tiền của Ngân hàng. Số tiền vay, lãi suất vay, mục đích vay tiền thì ông bà không rõ.

Ông bà xác nhận vợ chồng ông có cho vợ chồng anh T chị T1 mượn tài sản quyền sử dụng 148,8m^2 đất ở tại thửa số 323, tờ bản đồ số 14, địa chỉ: thôn L1, K, huyện Quỳnh Phụ đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Quỳnh Phụ cấp ngày 28/12/2013, mang tên vợ chồng ông bà để thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản vay.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông không biết thời điểm nào anh T, chị T1 vi phạm hợp đồng, không trả tiền cho Ngân hàng nữa.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh T, chị T1 trả cho Ngân hàng khoản tiền vay còn lại chưa trả, trường hợp anh T chị T1 không trả được cho Ngân hàng thì Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp theo quy định. Ông bà có ý kiến như sau: Do anh T, chị T1 vắng mặt tại nơi cư trú nên anh T chị T1 không trả được thì Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật vì vậy nên ông bà nhận trách nhiệm trả nợ thay cho anh T, chị T1 nếu anh T chị T1 không trả cho Ngân hàng. Do điều kiện kinh tế của vợ chồng ông còn khó khăn nên ông xin Ngân hàng cho anh T, chị T1 trả khoản tiền gốc và xin một phần khoản tiền lãi suất. Ông cũng đề nghị Ngân hàng không xử lý tài sản thế chấp của ông bà.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên đại diện Viện kiểm sát không phát biểu về việc chấp hành pháp luật của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản

1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 463, 466, 317, 319, 320, 323, 293, 298, 299 và 688 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, 8 và Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của VN, buộc ông Đỗ Văn T và bà Đỗ Thị T1 có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh cho VN, cho cả ba khoản vay tính đến ngày 30/9/2022 là 437.794.631 đồng. Tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 01/10/2022 cho đến ngày ông Đỗ Văn T và bà Đỗ Thị T1 thực tế thanh toán hết nợ cho VPBank;

Trường hợp ông ông T và bà T1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho VPBank thì VPBank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án cưỡng chế, kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 323, tờ bản đồ số: 14, diện tích 148,8m^2; địa chỉ: thôn L1, K, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất", số BP 686494, số vào sổ cấp GCN: CH 04089 do UBND huyện Quỳnh Phụ cấp ngày 28/12/2013 mang tên ông Đỗ Thanh C và bà Lê Thị L;

VPBank được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của ông T và bà Tấn để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo bản án của Tòa án cho đến khi ông T và bà T1 hết nghĩa vụ với VPBank;

Về án phí: bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại các lời khai và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: VN khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Văn T và bà Đỗ Thị T1 trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng; bị đơn ông Đỗ Văn T và bà Đỗ Thị T1 có nơi cư trú tại Thôn L3, K, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do ông T và bà T1 đã được Tòa án đã triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, ông Đỗ Thanh C và bà Lê Thị L đều có đơn xin xử án vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về yêu cầu trả nợ gốc: Hợp đồng tín dụng số LD1728500183 ngày 06/10/2017 số tiền vay 69.000.000 đồng, đến ngày 05/9/2022 đã thanh toán xong; Hợp đồng số LD1816201135 ngày 08/6/2018 số tiền vay 39.000.000 đồng, đến ngày 05/9/2022 đã thanh toán xong; Hợp đồng cho vay số LD1900200646 ngày 02/01/2019: Số tiền vay: 350.000.000 đồng, đến ngày 05/9/2022 đã thanh toán 173.141.830, còn phải thanh toán còn lại số tiền gốc là 176.858.170 đồng. VN yêu cầu ông T, bà T1 phải trả toàn bộ số tiền gốc còn nợ của hợp đồng tín dụng số LD1900200646 ngày 02/01/2019 tính đến ngày 30/9/2022 là 176.858.170 đồng nên buộc ông T, bà T1 phải thanh toán khoản nợ gốc của hợp đồng này cần chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự.

- Về yêu cầu trả nợ lãi:

1.Theo hợp đồng tín dụng LD1728500183 ngày 06/10/2017 (LD1728500183): Số tiền vay: 39.000.000 đồng (*Ba mươi chín triệu đồng*); Lãi suất trong hạn: 24,0%/ năm**;** Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; đã, trả nợ lãi 14.286.898 đồng. Ngày 12/12/2019 bà T1, ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ với VPBank và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn. Tính đến ngày 30/9/2022 chỉ còn nợ lại tiền lãi và phạt chậm trả tổng 36.886.147 đồng.

2.Theo hợp đồng số LD1816201135 ngày 08/06/2018: Số tiền vay: 69.000.000 đồng (*Sáu mươi chín triệu đồng*); Lãi suất trong hạn: 20,%/ năm**;** Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Bà T1, ông T đã trả lãi là 16.235.069 đồng. Ngày 11/12/2019 bà T1, ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ với VPBank và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn. Tính đến ngày 30/9/2022 chỉ còn nợ lại tiền lãi và phạt chậm trả tổng 15.823.794 đồng.

3.Hợp đồng cho vay số LN1812261161498 ký ngày 02/01/2019 (LD1900200646): Số tiền vay: 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn*); Lãi suất trong hạn: lãi suất tại thời điểm giải ngân là 11,2%/ năm, lãi suất trên được giữ nguyên trong vòng ba tháng hết thời gian 3 tháng lãi suất sẽ được điều chỉnh điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1lần, ngày điều chỉnh đầu tiên vào ngày 01/07/2019 với mức điều chỉnh: 4,7%/ năm**;** Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Ông T, bà T1 trả nợ lãi là 35.465.000 đồng, trả lãi phạt là 10.705.000 đồng). Ngày 10/12/2019 bà T1, ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ với VPBank và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn. Tính đến ngày 30/9/2022 chỉ còn nợ lãi phải trả 179.914.601 đồng; phạt chậm trả 28.311.919 đồng. Tổng 208.226.520 đồng.

Ngân hàng VN yêu cầu ông Đỗ Văn T và bà Đỗ Thị T1 phải trả tổng số tiền nợ lãi của 03 hợp đồng đến ngày 30/9/2022 là 260.936.461 đồng (*Hai trăm sáu mươi triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm sáu mươi mốt đồng*) là cần chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 7, 8 và Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Về xử lý tài sản thế chấp:

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên gồm: Toàn bộ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 323, tờ bản đồ số: 14; diện tích 148,8m^2; địa chỉ: thôn L1, K, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất", số BP 686494, số vào sổ cấp GCN: CH 04089 do UBND huyện Quỳnh Phụ cấp ngày 28/12/2013 mang tên ông Đỗ Thanh C và bà Lê Thị L. Có Hợp đồng thế chấp số công chứng 821 - quyển số 03/2017TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 17/07/2017 và đăng ký tài sản đảm bảo theo quy định. Nội dung và hình thức của các hợp đồng này phù hợp với Điều 317, 319 và Điều 298 Bộ luật Dân sự. Do bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho VN theo Hợp đồng thế chấp, VN được quyền xử lý tài sản thế chấp là phù hợp với Điều 293, Điều 299, Điều 320 và Điều 323 của Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là VN được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

Bị đơn ông Đỗ Văn T và bà Đỗ Thị T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Từ những định nêu trên nên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kện của nguyên đơn và chấp nhận toàn bộ để nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 463, 466, 317, 319, 320, 323, 293, 298, 299 và 688 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, 8 và Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP VN đối với ông Đỗ Văn T và bà Đỗ Thị T1 về việc thực hiện Hợp đồng tín dụng số LD1728500183 ngày 06/10/2017; Theo "Giấy đăng ký cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử" ngày 08/06/2018 (LD1816201135) và Hợp đồng cho vay số LN1812261161498 ký ngày 02/01/2019 (LD1900200646).

2.Buộc ông Đỗ Văn T và bà Đỗ Thị T1 phải trả cho Ngân hàng VN tổng số tiền tính đến ngày 30/9/2022 là 437.794.631 đồng (*Bốn trăm ba mươi bẩy triệu bẩy trăm chín mươi tư nghìn sáu trăm ba mươi mốt đồng*). Trong đó: Hợp đồng số LD1900200646: tiền gốc 176.858.170 đồng, lãi và phạt chậm trả 208.226.521 đồng; Hợp đồng LD 1816201135: tiền gốc đã thanh toán xong, lãi và phạt chậm trả 36.886.147 đồng; Hợp đồng LD1728500183; gốc đã thanh toán xong, lãi và phạt chậm trả 15.823.794 đồng.

Kể từ ngày 01/10/2022, ông Đỗ Văn T và bà Đỗ Thị T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP VN thì lãi suất mà ông Đỗ Văn T và bà Đỗ Thị T1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng VN theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng VN.

3. Trường hợp ông Đỗ Văn T và bà Đỗ Thị T1 không trả nợ hoặc trả nợ không đủ số tiền nợ nêu trên, Ngân hàng VN có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là toàn bộ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 323, tờ bản đồ số: 14; diện tích 148,8m^2; địa chỉ: thôn L1, K, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất", số BP 686494, số vào sổ cấp GCN: CH 04089 do UBND huyện Quỳnh Phụ cấp ngày 28/12/2013 mang tên ông Đỗ Thanh C và bà Lê Thị L. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Đỗ Văn T và bà Đỗ Thị T1 tiếp tục phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng VN, VP Bank được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của ông T và bà T1 để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo Bản án của Tòa án cho đến khi ông T và bà T1 hết nghĩa vụ với VN

4.**Về án phí**:

Ông Đỗ Văn T và bà Đỗ Thị T1 phải chịu 21.890.000 đồng (*Hai mươi mốt triệu tám trăm chín mươi nghìn dồng)* án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng số tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo biên lai thu số 0004716 ngày 09/6/2022.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***6.* Quyền kháng cáo**: Nguyên đơn Ngân hàng VN có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Đỗ Văn T, bà Đỗ Thị T1, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Thanh C và bà Lê Thị L vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên
(Đã ký)